

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm	Điểm	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
							%	%	thi	T. kết		
1	15149184	Phạm Thị Trúc	Hà	DH15QMNT			8		8	8,0	○●○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15149185	Hoàng Quốc	Huy	DH15QMNT							●○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15149186	Bạch Như	Khôi	DH15QMNT			6		7	6,7	○●○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
4	15149187	Bùi Ngọc	Luận	DH15QMNT			6		7	6,7	○●○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
5	15149188	Trịnh Thị Ngọc	Nghĩa	DH15QMNT			8		8	8,0	○●○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15149189	Đặng Trần Hồng	Nữ	DH15QMNT			8		8	8,0	○●○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15149190	Lư Đình	Phương	DH15QMNT			7		8	7,7	○●○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
8	15149191	Võ Truyền	Thống	DH15QMNT			7		7	7,0	○●○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15149192	Nguyễn Trần Khánh	Thư	DH15QMNT			9		9	9,0	○●○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15149193	Đỗ Thị Ngọc	Trình	DH15QMNT			9		8	8,3	○●○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15149194	Dương Ngọc	Tú	DH15QMNT			6		6	6,0	○●○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15149195	Trần Huỳnh Anh	Vương	DH15QMNT			6		7	6,7	○●○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
13	15149229	Mai Ngọc	Anh	DH15QMNT			9		9	9,0	○●○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15149231	Trần Quốc	Bảo	DH15QMNT			9		9	9,0	○●○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15149232	Trần Nhật	Chinh	DH15QMNT			7		8	7,7	○●○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
16	15149233	Trương Minh	Đức	DH15QMNT			7		7	7,0	○●○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15149237	Nguyễn Thị Mỹ	Ngà	DH15QMNT			9		8	8,3	○●○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
18	15149238	Nguyễn Trung	Nghĩa	DH15QMNT			8		7	7,3	○●○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thí nghiệm Hóa DC (202304) - 80

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	15149240	Đan Thanh Sang	DH15QMNT			7		8	7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
20	15149246	Bùi Tấn Vũ	DH15QMNT			8		8	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Ngọc Sơn